

DỰ THẢO ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ VẬT TƯ SÀI GÒN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.

Điều lệ này được thông qua bởi các cổ đông tại Đại hội Đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày 02/06/2016.

Chương I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên Công ty, trụ sở, hình thức hoạt động

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ VẬT TƯ SÀI GÒN.

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

SAIGON PRINTING AND MATERIAL JOINT STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: **SAPRIMCO**

2. Trụ sở Công ty:

- Trụ sở chính của Công ty đặt tại: 54-56 đường Tân Hưng, Phường 12, Quận 5, TPHCM.

- Công ty có các cửa hàng kinh doanh và xưởng sản xuất; Khi cần thiết, Công ty sẽ mở thêm các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện ở trong và ngoài nước theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

- Việc thay đổi trụ sở chính và chi nhánh sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

3. Hình thức:

Công ty Cổ phần In và Vật tư Sài Gòn là công ty cổ phần được tổ chức và hoạt động theo luật Doanh nghiệp.

Điều 2. Tư cách pháp nhân

1. Tư cách pháp nhân:

Công ty Cổ phần In và Vật tư Sài Gòn là một tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân độc lập, phù hợp với pháp luật Việt Nam, có con dấu riêng, hạch toán kế toán độc lập, tự chủ về tài chính, được phép mở tài khoản giao dịch tại

các ngân hàng Việt Nam và nước ngoài, chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn trong phạm vi vốn điều lệ.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Giám đốc.

Điều 3. Mục tiêu và phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Mục tiêu:

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh về ngành in và vật tư ngành in. Nhằm mục tiêu tối đa hóa các khoản lợi nhuận, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Phạm vi kinh doanh và hoạt động:

2.1 Công ty hoạt động và sản xuất kinh doanh theo nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ Công ty.

2.2 Công ty có phạm vi hoạt động trong và ngoài nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Thời hạn hoạt động

Thời gian hoạt động của Công ty là không bị giới hạn, kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.

Chương II

VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ ĐÔNG – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU

Điều 5. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ Công ty là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán.
2. Cổ phần đã bán là số cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đủ cho Công ty.
3. Cổ phần được quyền chào bán của Công ty là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội Đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn.
4. Cổ phần chưa bán là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán.
5. Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng (mười nghìn đồng).
6. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:
 - 6.1 Theo quyết định của Đại hội Đồng cổ đông, Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty nếu Công ty bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;

6.2 Công ty mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;

6.3 Vốn điều lệ không được các cổ đông thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 112 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 6. Cổ phần

- Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông.
- Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

Điều 7. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

1.1 Tham dự và phát biểu trong các Đại hội Đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

1.2 Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội Đồng cổ đông;

1.3 Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

1.4 Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật Doanh nghiệp;

1.5 Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

1.6 Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau đây:

2.1 Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

2.2 Yêu cầu triệu tập họp Đại hội Đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

2.3 Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản;

2.4 Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội Đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1.1 Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

1.2 Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

Điều 8. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

Không rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế Công ty.

3. Chấp hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty.

5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Có trách nhiệm thông báo bằng văn bản khi thay đổi địa chỉ nhận thư của mình. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

6.1 Vi phạm pháp luật;

6.2 Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

6.3 Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn mà không bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

Điều 9. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và con dấu của Công ty.

2. Cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị sở hữu sau khi thành viên đó được bầu thì sẽ có ghi chú là trong thời gian đương nhiệm không được chuyển nhượng số cổ phần bắt buộc quy định tại Điều 22.3 Điều lệ này trừ trường hợp hơn 50% số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

3. Cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị sở hữu trước khi thành viên đó được bầu thì vẫn phải chịu sự hạn chế theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này.

4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng.
5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó với điều kiện phải cung cấp bằng chứng về việc sở hữu cổ phần tại Công ty. Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 10. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.
2. Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán, trừ các trường hợp sau:
 - 1.1 Cổ phần chào bán lần đầu tiên sau khi đăng ký kinh doanh;
 - 1.2 Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty;
 - 1.3 Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh.
3. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:
 - 3.1 Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
 - 3.2 Chào bán ra công chúng;
 - 3.3 Chào bán cổ phần riêng lẻ.
4. Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của Công ty cổ phần niêm yết và đại chúng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.
5. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Trường hợp cổ đông muốn mua bán hoặc chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký làm thủ tục tại trụ sở chính của Công ty.
2. Các thành viên Hội đồng quản trị, trong thời gian đương nhiệm không được chuyển nhượng số cổ phần bắt buộc quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này trừ trường hợp các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận theo nguyên tắc quá bán.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty.
6. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
8. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty khi đã thanh toán đủ và từ thời điểm các thông tin của cổ đông được quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty cổ phần

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty gồm có:

1. Đại Hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát và Giám Đốc.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - 3.4 Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - 3.5 Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - 3.6 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - 3.7 Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - 3.8 Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại điều lệ này;
 - 3.9 Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - 3.10 Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

- 3.11 Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- 3.12 Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

Điều 14. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội Đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên:
Đại hội đồng cổ đông thường niên phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
 - 2.1 Báo cáo tài chính hằng năm;
 - 2.2 Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty;
 - 2.3 Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
 - 2.4 Mức cổ tức;
 - 2.5 Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
3. Đại hội Đồng cổ đông bất thường:
 - 3.1 Đại hội Đồng cổ đông bất thường phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên bị giảm quá 1/3 so với quyết định tại Điều lệ Công ty;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 7 của Điều lệ này;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
 - 3.2 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.
 - 3.3 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3.2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày

tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

- 3.4 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3.3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 7 của Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.
- 3.5 Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.
- 3.6 Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 3.2, khoản 3.3 và khoản 3.4 của Điều lệ này sẽ được Công ty hoàn lại.

Điều 15. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 16. Thể thức triệu tập họp ĐH đồng cổ đông – Chương trình họp – Thông báo họp

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện những nhiệm vụ sau:
 - 1.1 Phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông;

- 1.2 Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp;
- 1.3 Xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.
2. Thông báo mời họp được gửi đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 7 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 7 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

Điều 17. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.
2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - 2.1 Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - 2.2 Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội Đồng cổ đông theo Điều 17 của Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:
 - 4.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có Phó Chủ tịch thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp;

- 4.2 Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- 4.3 Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- 4.4 Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu gồm một hoặc một số người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
5. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
 - 7.1 Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - 7.2 Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường các trường hợp sau đây:
 - 8.1 Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - 8.2 Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 18. Việc ủy quyền tham dự Đại hội cổ đông

1. Cổ đông được ủy quyền cho đại diện thay thế tham dự Đại hội cổ đông. Người được ủy quyền được biểu quyết, bầu cử tại Đại hội Đồng cổ đông nhưng không được đề cử, ứng cử tại Đại hội với tư cách cá nhân mình.
2. Người đại diện không nhất thiết là cổ đông của Công ty.

3. Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản, người được ủy quyền phải trình cho Ban tổ chức đại hội trước khi khai mạc Đại hội mới thực hiện các quyền hạn được ủy quyền.
4. Trong trường hợp bên ủy quyền là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được Thủ trưởng hoặc đại diện hợp pháp của pháp nhân đó ký, đóng dấu mới có giá trị.
5. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.
6. Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng cách lập văn bản thông báo gửi thẳng cho Hội đồng quản trị.

Điều 19. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được số cổ đông đại diện 65% tổng số biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - 2.1 Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - 2.2 Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - 2.3 Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - 2.4 Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - 2.5 Tổ chức lại, giải thể Công ty.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
4. Các nghị quyết khác được thông qua bằng văn bản và được số cổ đông đại diện 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.
5. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình

tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 20. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - 2.1 Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - 2.2 Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - 2.3 Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - 2.4 Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - 2.5 Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của luật Doanh Nghiệp;
 - 2.6 Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc Điều lệ này;
 - 2.7 Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - 2.8 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định mức lương và lợi ích khác của Giám đốc; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
 - 2.9 Giám sát, chỉ đạo Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - 2.10 Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - 2.11 Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - 2.12 Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn, thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

Điều 21. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 03 năm.
2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có 05 người. Số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam chiếm ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
4. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 22. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty;
3. Sở hữu ít nhất 2% tổng số cổ phần phổ thông;
4. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác.

Điều 23. Miễn nhiệm – bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

3. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 22 của Điều lệ này;
4. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Có đơn xin từ chức;
6. Bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông;
7. Công ty bị chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - 2.1 Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

- 2.2 Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - 2.3 Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
 - 2.4 Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - 2.5 Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

Điều 25. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.
3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - 4.1 Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - 4.2 Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - 4.3 Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày trước ngày họp. Thông báo mời

họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định.

7. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
10. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo nguyên tắc quá bán; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
11. Nội dung cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi vào biên bản. Biên bản cuộc họp phải có họ tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 26. Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc.
2. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
3. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
4. Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - 4.1 Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
 - 4.2 Xây dựng và trình Hội đồng quản trị chuẩn y và tổ chức thực hiện về kế hoạch kinh doanh, chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển dài hạn, dự án đầu tư, phương án liên doanh, đề án các tổ chức quản lý, quy hoạch đào tạo cán bộ của Công ty;
 - 4.3 Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

- 4.4 Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của Điều lệ này;
 - 4.5 Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
 - 4.6 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - 4.7 Quyết định lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
 - 4.8 Tuyển dụng lao động;
 - 4.9 Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
5. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 27. Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên có cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị là 03 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp.
3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 28. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
3. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty;
4. Kiểm soát viên phải là cổ đông, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, am hiểu kỹ thuật, nghiệp vụ kinh doanh của Công ty. Trong đó có ít nhất một Kiểm soát viên có trình độ chuyên môn về Tài chính – Kế toán.

Điều 29. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - 1.1 Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ này;
 - 1.2 Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - 1.3 Có đơn từ chức và được chấp thuận;
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - 2.1 Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - 2.2 Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - 2.3 Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 7 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp, Hội đồng quản trị Công ty nhưng không tham gia biểu quyết.
10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Chương IV

TÀI CHÍNH – PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 31. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 dương lịch và chấm dứt vào ngày 31 tháng 12 tròn hàng năm.
2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đến ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 32. Chế độ báo cáo

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty phải lập các báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật.
2. Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của Công ty chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội Đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức theo thời hạn 06 tháng nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Các vấn đề khác có liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quyết định của pháp luật.

Điều 34. Cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông. Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.
2. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.
3. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

Chương V TRANH CHẤP

Điều 35. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

1. Tranh chấp giữa các cổ đông sáng lập trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hoà giải.
2. Trong trường hợp các bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chương VI GIẢI THỂ – THANH LÝ

Điều 36. Giải thể Công ty

1. Công ty giải thể trong các trường hợp sau:

- 1.2 Theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông khi Công ty bị lỗ đến $\frac{3}{4}$ vốn Điều lệ;
 - 1.3 Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục;
 - 1.4 Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - 1.5 Quyết định đình chỉ hoạt động của tòa án.
2. Công ty chỉ được giải thể khi đã thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Trình tự, thủ tục thực hiện theo Luật doanh nghiệp.

Điều 37. Thanh lý tài sản Công ty

1. Khi có quyết định giải thể Công ty, Đại hội cổ đông lập Hội đồng thanh lý thay thế Hội đồng quản trị để cùng Kiểm soát viên làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo thời gian quy định và theo thể lệ Tài chính hiện hành.
- 2.3 Trong thời gian thanh lý: Các Thanh lý viên và Kiểm soát viên có quyền đề nghị triệu tập Đại hội cổ đông bất thường khi xét thấy cần thiết.
- 2.4 Nguồn tài chính của Công ty sau khi thanh toán các khoản chi phí phát sinh trong quá trình thanh lý, thanh toán các khoản nợ, sẽ được chia cho các cổ đông theo tỉ lệ góp vốn của họ.

Chương VII CON DẤU

Điều 38. Con dấu

1. Công ty có con dấu riêng. Con dấu của Công ty được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty. Hình thức và nội dung của con dấu, điều kiện làm con dấu và chế độ sử dụng con dấu thực hiện theo quy định của pháp luật.
2. Con dấu là tài sản của Công ty. Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 39. Hiệu lực của Điều lệ

Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội Đồng cổ đông thông qua.

Điều 40. Thể thức sửa đổi bổ sung các điều khoản của Điều lệ

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong Bản Điều lệ này sẽ do Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan khác điều chỉnh.
2. Trong trường hợp Điều lệ này có điều khoản trái luật pháp hoặc dẫn đến việc thi hành trái luật pháp, thì điều khoản đó không được áp dụng và sẽ được xem xét sửa đổi ngay trong kỳ họp gần nhất của Đại hội Đồng cổ đông.
3. Việc sửa đổi bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội Đồng cổ đông xem xét và quyết định.

Điều 41. Điều khoản cuối cùng

1. Bản điều lệ này bao gồm 08 chương và 41 điều.
2. Bản điều lệ này đã được Đại hội Đồng cổ đông nhất trí thông qua vào ngày 02/06/2016 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ.
3. Mọi sự sao chép, trích lục phải được ký xác nhận của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

TP.HCM, ngày tháng năm 2016

Chữ ký của người đại diện theo pháp luật